|  |  |
| --- | --- |
|  CỤC THUẾ....................... **(CHI CỤC THUẾ)..................** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Mẫu số: **03/TBT-BĐS-TNCN***(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày**15/6/2015 của Bộ Tài chính)***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……......... /TB-CT (CCT)  |  *.....,ngày..........tháng ........năm ........* |

**THÔNG BÁO**

**Nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản**

Kính gửi: Ông/ Bà/Tổ chức .......................................

Mã số thuế: ................................................................

Địa chỉ: ......................................................................

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số………../VPĐK ngày...….tháng.......năm ...… của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà) ............................................…………, cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập cá nhân ông (bà) phải nộp như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN**

1. Thửa đất số:……………………Tờ bản đồ số: ...............................................................

Số nhà, đường phố.........................................................................................................

Thôn, xóm...............................................................................................……...............

Phường/xã:.....................................................................................................................

Quận/huyện....................................................................................................................

Tỉnh/ thành phố..............................................................................................................

2. Loại đất:............................................................................................................................

3. Loại đường/khu vực: .......................................................................................................

4. Vị trí (1, 2, 3, 4…):...........................................................................................................

5. Cấp nhà:………………………………..Loại nhà:...........................................................

6. Hạng nhà:..........................................................................................................................

7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:...............................................................................

8. Diện tích nhà, Đơn giá một một mét sàn nhà, giá trị nhà

8.1. Diện tích (m2):...............................................................................................................

8.2. Đơn giá (đồng/m2):........................................................................................................

8.3. Tổng giá trị nhà (đồng):.................................................................................................

9. Diện tích đất, Đơn giá một mét vuông đất, gía trị đất

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Loại đất[9.1] | Diện tích[9.2] | Đơn giá[9.3] | Giá trị đất(=diện tích x Đơn giá)[9.4] |
| Loại đất 1: ….. |  |  |  |
| Loại đất 2:…... |  |  |  |
| ……….. |  |  |  |
| Tổng | [9.5] |

**II. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ**

1. Căn cứ xác định số thuế phải nộp

1.1. Giá chuyển nhượng bất động sản:.............................................................đồng [A1]

1.2. Giá đất, giá tính lệ phí trước bạ nhà do Uỷ ban nhân dân quy định (=[8.3]+[9.5]):………………………………………………………………...đồng [A2]

1.3. Thu nhập được miễn thuế:………………………………………………..đồng [A3]

(Đối với cá nhân được miễn thuế theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân)

2. Cách xác định số thuế phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản

- Trường hợp 1: [A1] > [A2]

 Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A1]-[A3]) x 2% = …………....x2%

- Trường hợp 2: [A1] < [A2]

 Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2]-[A3]) x 2% =………………x2%

3. Cách xác định số thuế phải nộp với thừa kế, quà tặng là bất động sản

 Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2]-[A3] – 10.000.000) x 10% = ………………………………………………………………………….x10%

4. Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp: ......................................................đồng

 *(Viết bằng chữ:* ........................................................................................................)

 Nộp theo chương ......tiểu mục........

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (nếu có):

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Mã số thuế | Số thuế phải nộp  |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

5.Địa điểm nộp:.........................................................................................................

6. Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thuế.

 Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/ Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này vào Ngân sách Nhà nước thì Ông/ Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

 Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/ Bà liên hệ với cơ quan thuế..................... theo số điện thoại: ........................ địa chỉ: .............................để được hướng dẫn cụ thể.

 Cơ quan thuế...............thông báo để Ông/ Bà được biết và thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN***...,ngày ... tháng .... năm ....**(Ký, ghi rõ họ tên)* | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**III. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ** **(Cơ quan thu tiền thực hiện):**

1. Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan thuế: .................

2. Số tiền chậm nộp tiền thuế :.......................................................................đồng

*(Viết bằng chữ: ..........................................................................................................)*

*..., ngày ...... tháng ...... năm ........*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*